



DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.085

## CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Võ Thành Danh\*, Nguyễn Hữu Đăng, Lê Tín và Ong Quốc Cường

Khoa Kinh tế, Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Võ Thành Danh (email: [vt danh@ctu.edu.vn](mailto:vt danh@ctu.edu.vn))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 18/10/2017

Ngày nhận bài sửa: 20/12/2017

Ngày duyệt đăng: 21/06/2018

### Title:

Determinants of Can Tho City's economic growth

### Từ khóa:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng kinh tế, tổng năng suất các yếu tố tổng hợp

### Keywords:

Economic growth, economic structure change, total factor productivity

### ABSTRACT

The paper aims to show the state of economic structure change and assess the determinants of economic growth at Cantho city in the period of 2004-2015. Results showed that its economic growth in the peoriod was at high rate in which the industry and construction sector (sector II) was the engine of the growth. The economic structure change tended that the industry and construction sector and commercial and services (sector III) increasingly contributed to the economic growth of Cantho city while agricultural sector (sector I) was gradually decreased. Employment in agricultural sector tended to decrease. Using Cobb-Douglas model, the result showed that during the periods of 2006-2010 and 2011-2015, capital contribution in economic growth rate was 61,55% and 56,94% respectively; employment contribution was 14,74% and 17,62% respectively; and contribution of total factor productivity (TFP) was 23,71% and 25,44% respectively. In addition, results also showed that the efficiency of investment tended to decrease although the total amount of investment increased but capital stock for production was not proportionally increased.

### TÓM TẮT

Bài viết trình bày thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004-2015. Kết quả phân tích cho thấy tăng trưởng kinh tế của thành phố trong giai đoạn này luôn ở mức cao và tăng đều, trong đó khu vực II luôn là đầu tàu tăng trưởng. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra tương đối ổn định theo xu hướng tăng dần tỷ trọng đóng góp của khu vực II và khu vực III và giảm dần tỷ trọng đóng góp của khu vực I. Cơ cấu lao động cũng có sự biến động theo hướng giảm dần lao động trong khu vực I nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu lao động của Thành phố. Bằng cách sử dụng mô hình Cobb-Douglas, kết quả phân tích cho thấy trong giai đoạn 2006-2010 và 2011-2015, vốn đầu tư đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố lần lượt là 61,55% và 56,94%; đóng góp của lao động là 14,74% và 17,62%; và đóng góp của TFP là 23,71% và 25,44%. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hiệu quả vốn đầu tư có xu hướng giảm mặc dù đầu tư tăng nhưng trữ lượng vốn đưa vào sản xuất để tạo ra hàng hóa, dịch vụ đã không tăng tương xứng.

Trích dẫn: Võ Thành Danh, Nguyễn Hữu Đăng, Lê Tín và Ong Quốc Cường, 2018. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(4D): 200-211.

## 1 SỰ CẦN THIẾT CỦA NGHIÊN CỨU

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế luôn là một trong những nội dung chủ yếu của đường lối đổi mới và phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, sau khi đánh giá cao những thành tựu đã đạt được (thời kỳ 2006 – 2010), đã chỉ ra những hạn chế cần khắc phục: *“Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra chưa đạt. Kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa chậm; chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hóa giàu nghèo tăng lên”*. Cho đến nay những yếu kém về cơ cấu của nền kinh tế vẫn chưa được khắc phục; thêm vào đó khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động tiêu cực trên nhiều mặt đến nền kinh tế nước ta nói chung và của thành phố Cần Thơ nói riêng, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút, các điểm yếu của nền kinh tế bộc lộ rõ hơn. Do đó, yêu cầu đổi mới và đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để vượt qua được khủng hoảng, vừa cải thiện vị trí, vừa đưa được nền kinh tế lên giai đoạn phát triển cao hơn đã trở thành một yêu cầu cấp bách cả về trước mắt và lâu dài. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Cần Thơ nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, nâng cao năng suất lao động, năng suất các yếu tố tổng hợp và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần tích cực chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang kết hợp hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, tiến tới hình thành mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều sâu. Mục tiêu nghiên cứu là phân tích các yếu tố tác động đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Cần Thơ. Các mục tiêu cụ thể bao gồm: (i) đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004-2015; (ii) phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế; và (iii) đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.

## 2 KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

### 2.1 Trong nước

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam diễn ra theo hướng giảm dần tỷ trọng kinh tế khu vực I và nâng dần tỷ trọng kinh tế khu vực II và III. Cụ thể, kinh tế khu vực I chiếm tỷ trọng từ 24,53% năm 2000 giảm còn 19,3% năm 2005 và chỉ còn 18,89% vào năm 2010. Ngược lại, tỷ trọng kinh tế khu vực II tăng từ 36,73% (năm 2000) lên 38,13% (năm 2005) và 38,23% (năm 2010). Tương tự, tỷ trọng kinh tế khu vực III cũng tăng nhưng với tốc độ cao hơn, từ 38,74% (năm 2000) lên

42,57% (năm 2005) và 42,88% (năm 2010). Tuy nhiên, trong những năm gần đây do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, kinh tế khu vực I có chiều hướng tăng trở lại trong khi kinh tế khu vực III có chiều hướng giảm.

Trường hợp của thành phố Hồ Chí Minh, một trong những địa phương đi đầu cả nước trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khu vực III luôn là khu vực có tỷ trọng đóng góp lớn nhất vào tổng sản phẩm trên địa bàn. Năm 2005, khu vực III chiếm 50,6% so với 48,2% của khu vực II và 1,2% của khu vực I. Đến năm 2012, tỷ trọng đóng góp của khu vực III đã tăng lên 58,4% trong khi khu vực II giảm xuống còn 40,6% và khu vực I giảm xuống còn 1%. Một thành phố trực thuộc Trung ương khác là thành phố Đà Nẵng cũng có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách mạnh mẽ. Năm 2000, khu vực III chiếm 50,88 so với 41,26% của khu vực II và 7,86% của khu vực I. Đến năm 2012, tỷ trọng đóng góp của khu vực III là 57,88% trong khi khu vực II là 39,15% và khu vực I là 2,97%. So với thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù cơ cấu kinh tế hiện nay của hai thành phố có sự tương quan đều giữa 3 khu vực kinh tế I, II, III, phản ánh xu hướng của một cơ cấu kinh tế hiện đại, nhưng sự chuyển dịch cơ cấu của Đà Nẵng diễn ra chậm hơn.

Ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực, đó là tăng dần tỷ trọng kinh tế khu vực II và III, và giảm tỷ trọng kinh tế khu vực I. Năm 2012, tỷ trọng kinh tế khu vực I, khu vực II, và khu vực III lần lượt là 37%, 26,1%, và 36,9%. Tại thành phố Cần Thơ, theo Đặng Hoàng Thống và *ctv.* (2011), tăng trưởng kinh tế cao của thành phố Cần Thơ giai đoạn sau đổi mới luôn đạt ở mức cao, đặc biệt là giai đoạn 2000–2007. Đây được xem là thành tựu của công cuộc đổi mới toàn diện, sâu sắc từ đường lối, chủ trương phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng. Nhìn chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các thành phố trực thuộc Trung ương, ở khu vực ĐBSCL trong thời gian qua diễn ra theo xu hướng chung của cả nước, tức là trong cơ cấu kinh tế giảm dần tỷ trọng kinh tế khu vực I, nâng dần tỷ trọng kinh tế khu vực II và III.

### 2.2 Ngoài nước

Trên phạm vi thế giới, mức đóng góp của công nghiệp và dịch vụ vào tổng sản phẩm toàn cầu là lớn hơn so với lĩnh vực nông nghiệp. Năm 2012, nông nghiệp chỉ đóng góp 5,9%, thấp nhất trong 3 lĩnh vực. Khu vực dịch vụ có mức đóng góp cao nhất với 63,4% trong tổng sản phẩm toàn cầu. Khu vực công nghiệp cũng có một tỷ lệ đóng góp đáng kể với 30,7%.

**Bảng 1: Cơ cấu kinh tế của một số quốc gia năm 2012**

DVT: %

Khu vực kinh tế	Mỹ	Đức	Nga	Trung Quốc	Ấn Độ	Thái Lan	Singapore	Indonesia	Philippin	Lào
Khu vực I	1,1	0,8	3,9	10,1	17,4	12,3	0	14,4	11,8	26,0
Khu vực II	19,2	28,0	36,0	45,3	26,1	43,6	26,8	47,0	31,1	34,0
Khu vực III	79,7	71,2	60,1	44,6	56,5	44,1	73,2	38,6	57,1	40,0
Tổng cộng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Ngân hàng thế giới (2013)

Qua các phân tích tổng quan về chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho thấy rằng ở các nước phát triển đã đô thị hóa gần 100% đều vẫn còn duy trì một tỷ trọng nông nghiệp nhất định (trên 1%, trừ Cộng hòa Liên bang Đức) và cơ cấu kinh tế của các nước sau quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế là khu vực III sẽ cao hơn khu vực II (trừ Indonesia và Trung Quốc).

### 3 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 3.1 Lý luận về trình độ phát triển kinh tế

Năm 2003, Liên Hiệp Quốc sử dụng ba tiêu chí để xác định trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia. Các tiêu chí này bao gồm: thu nhập (GDP) bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế, và phát triển con người (HDI), với tiêu chí GDP bình quân đầu người là nòng cốt. Theo cách phân loại hệ thống kinh tế thế giới, các nước được chia thành các nước phát triển và các nước đang phát triển. Trong số các nước đang phát triển có những nước chậm phát triển với ba tiêu chí trên ở tình trạng phát triển thấp nhất. Một số nước đang phát triển có những bước phát triển đột phá và có trình độ phát triển cao hơn như các nước công nghiệp mới (NIC) và các nước khối xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Một số nước thuộc nền kinh tế chuyển đổi, trong đó có Việt Nam, đang trong quá trình phát triển kinh tế thị trường. Một số nước đang phát triển đang ở trong tình trạng kém phát triển.

Theo Báo cáo phát triển thế giới 2013, các nước đang phát triển là các nước có thu nhập thấp và trung bình, có khoảng 130 quốc gia chiếm 2/3 diện tích thế giới và tỷ lệ dân số chiếm trên 80%. Việt Nam thuộc nhóm các nước đang phát triển có mức thu nhập thuộc nhóm các nước trung bình thấp (được Liên Hiệp Quốc công nhận năm 2009), và thuộc nhóm nước có trình độ phát triển con người ở mức trung bình. Do những thành tựu phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là phát triển con người (giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng giới, ...) nên trong nhiều năm qua Việt Nam đã không còn được Liên Hiệp Quốc xếp vào nhóm các nước kém phát triển.

Nhìn chung, các nước đang phát triển có một số đặc trưng cơ bản như sau:

- **Mức sống thấp:** Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người của các nước đang phát triển là 2.337 \$/người, so với mức thu nhập trung bình cả thế giới là 7.958 \$/người và thu nhập trung bình của các nước phát triển đạt tới 37.566 \$/người<sup>1</sup>.

- **Nền kinh tế chịu sự chi phối nhiều bởi nông nghiệp:** Năm 2010, cơ cấu kinh tế nông nghiệp-công nghiệp-dịch vụ tương ứng với trung bình thế giới, các nước phát triển, và các nước đang phát triển lần lượt là: 3% - 28% - 69%, 2% - 26% - 72%, và 13% - 41% - 46%. Do nền kinh tế bị chi phối nhiều bởi nông nghiệp nên đã kéo theo các hệ quả tiêu cực khác như:

- + Tỷ lệ tích lũy thấp
- + Trình độ kỹ thuật của sản xuất thấp
- + Năng suất lao động thấp

- **Tốc độ tăng dân số cao và khả năng bảo đảm các nhu cầu xã hội cho con người thấp:** Dân số tăng trưởng nhanh làm cho tốc độ tăng lao động lớn hơn tốc độ tăng trưởng việc làm, làm cho thất nghiệp trở thành gánh nặng của nền kinh tế.

- **Nền kinh tế bị phụ thuộc vào bên ngoài rất lớn:** Đó là sự phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư, phụ thuộc công nghệ, và phụ thuộc vào thị trường quốc tế.

#### 3.2 Quy luật chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế là tổng thể các bộ phận hợp thành nền kinh tế cùng các mối liên hệ chủ yếu, ổn định và phát triển giữa các bộ phận và toàn bộ nền kinh tế trong những điều kiện cụ thể của nền sản xuất xã hội và trong một khoảng thời gian nhất định. Dưới góc độ phân công lao động xã hội và sự phát triển của lực lượng sản xuất, ta có *cơ cấu*

<sup>1</sup> Mức thu nhập 3.000 \$/người được chọn là ngưỡng đạt thu nhập trung bình cao, phản ánh khả năng giải quyết được những nhu cầu cơ bản của con người, phản ánh sự biến đổi về chất trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

ngành kinh tế phân theo nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Dưới góc độ không gian, ta có *cơ cấu vùng kinh tế* phân theo khu vực thành thị và khu vực nông thôn, hay phân theo các vùng, khu vực kinh tế. Ngoài ra, cơ cấu kinh tế còn được xem xét theo góc độ xã hội hóa về tư liệu sản xuất (khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế nhà nước) – *cấu thành phần kinh tế*.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thuộc nội hàm của phát triển kinh tế<sup>2</sup>, thể hiện sự thay đổi về quy mô, tỷ trọng các bộ phận cấu thành nền kinh tế, vị trí và mối quan hệ tác động qua lại giữa các bộ phận này với nhau trong quá trình phát triển kinh tế.

Phát triển kinh tế, trước hết phải là quá trình tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chỉ hàm ý về số lượng mà chưa bao gồm về chất lượng của sự tăng trưởng đó. Tăng trưởng kinh tế phản ánh quá trình biến đổi về lượng của nền kinh tế, là điều kiện cần để nâng cao mức sống vật chất của người dân và thực hiện mục tiêu khác của phát triển. Trong khi đó, phát triển kinh tế có mục tiêu cuối cùng là vì tiến bộ xã hội, vì con người.

Tiếp theo, phát triển kinh tế phải là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, với ngày càng nhiều người chuyển từ lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ở nông thôn sang những công việc được trả lương cao hơn ở thành thị trong các lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thường gắn chặt với tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế không dẫn đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ không có tính quy luật. Do đó, chuyển dịch cơ cấu kinh tế là tiền đề cho tăng trưởng kinh tế; và tăng trưởng kinh tế là kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cơ cấu kinh tế phản ánh bản chất của sự phát triển kinh tế và là dấu hiệu để đánh giá các giai đoạn phát triển kinh tế. Tốc độ chuyển dịch *cơ cấu ngành kinh tế* phản ánh xu hướng phát triển của lực lượng sản xuất, phân công lao động xã hội, và tiến bộ của khoa học, công nghệ. Để phân biệt các giai đoạn phát triển hay so sánh trình độ phát triển giữa các quốc gia với nhau, người ta không dựa vào tốc độ tăng trưởng kinh tế mà dựa vào dạng cơ cấu ngành kinh tế. Đó là, một nền kinh tế ở trình độ phát triển thấp khi nền kinh tế đó có tỷ trọng nông nghiệp cao và các hoạt động kinh tế phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp. Một nền kinh tế có trình độ phát triển cao khi các hoạt động kinh tế tập trung vào phục vụ nhu cầu tiêu dùng hiện đại cho dân cư, nghĩa là tỷ trọng ngành thương mại, dịch vụ chiếm cao nhất trong cơ cấu kinh tế. Theo lịch sử phát

triển kinh tế thế giới, các nhà kinh tế đã tổng hợp thành 5 cơ cấu kinh tế từ trình độ phát triển thấp đến cao lần lượt là: (1) cơ cấu kinh tế nông nghiệp, (2) cơ cấu kinh tế nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ, (3) cơ cấu kinh tế công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ, (4) cơ cấu kinh tế công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp, và (5) cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp thể hiện giai đoạn phát triển kinh tế cao nhất.

### 3.3 Lý thuyết về các giai đoạn phát triển kinh tế của W. Rostow

Nhà lịch sử kinh tế W. Rostow đã tổng hợp theo lịch sử về 5 giai đoạn tuần tự mà mỗi quốc gia phải trải qua trong quá trình phát triển của mình. Mỗi giai đoạn được đặc trưng bởi cơ cấu ngành kinh tế, tỷ lệ tích lũy, những giai đoạn đặc trưng của sự phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế-xã hội.

– **Giai đoạn xã hội truyền thống:** Cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn này là cơ cấu nông nghiệp thuần túy.

– **Giai đoạn chuẩn bị cất cánh:** Cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn này là cơ cấu nông nghiệp – công nghiệp.

– **Giai đoạn cất cánh:** Cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn này là cơ cấu công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ. Giai đoạn này kéo dài khoảng 20 - 30 năm.

– **Giai đoạn trưởng thành:** Cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn này là cơ cấu công nghiệp – dịch vụ - nông nghiệp. Giai đoạn này dài tới 60 năm.

– **Giai đoạn tiêu dùng cao:** Cơ cấu ngành kinh tế giai đoạn này là cơ cấu dịch vụ – công nghiệp.

Đối với nước ta, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020, mục tiêu phấn đấu đặt ra là đến năm 2020, Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

### 3.4 Phương pháp nghiên cứu

#### 3.4.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ số liệu thống kê theo Niên giám Thống kê do Chi cục Thống kê thành phố cung cấp. Các số liệu này liên quan cơ cấu kinh tế, lao động, vốn,...

#### 3.4.2 Phương pháp phân tích

– Phương pháp thống kê mô tả: Phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố trong giai đoạn 2004-2015 qua các bảng số liệu, biểu đồ.

<sup>2</sup> Phát triển kinh tế là quá trình phát triển toàn diện về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội

– Phân tích cân đối: Dựa trên các yêu cầu vốn đầu tư và đóng góp của vốn, sử dụng lao động, sử dụng nguồn lực,... theo các mô hình/kịch bản phát triển để tiến hành phân tích và dự báo sự chuyển dịch lao động, vốn đầu tư, và cơ cấu kinh tế theo nhóm ngành, phân ngành, các thành phần kinh tế.

– Hàm sản xuất Cobb-Douglas: sử dụng để mô hình hóa, xác định các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thành phố.

$$Y = A.f(K^\alpha L^\beta)$$

Trong đó:

Y = sản lượng đầu ra (GDP), K= vốn đầu tư, L= lao động,

A = TFP (Total Factors Productivity – Năng suất các yếu tố tổng hợp),

A = hệ số đóng góp của vốn,  $\beta$  = hệ số đóng góp của lao động

$0 < \alpha < 1$ . Với giả thiết  $0 < \alpha$  hàm Cobb-Douglas coi giá trị sản xuất tỷ lệ thuận với lao động và vốn.

- Nếu  $\alpha + \beta > 1$ : hiệu suất quy mô tăng dần.
- Nếu  $\alpha + \beta = 1$ : hiệu suất quy mô không đổi.
- Nếu  $\alpha + \beta < 1$ : hiệu suất quy mô giảm dần.

Về phương pháp ước lượng tổng năng suất nhân tố TFP: Với giả thiết hàm Cobb-Douglas là hàm liên tục theo thời gian và biểu diễn tốc độ phát triển theo thời gian của  $Y_t$  như sau:

$$\frac{dY}{dt} = \frac{dAt}{dt} F(L_t, K_t) + A_t \frac{dF}{dt} = \frac{dAt}{dt} F(L_t, K_t) + A_t \left( \frac{dF}{dL_t} \frac{dL_t}{dt} + \frac{dF}{dK_t} \frac{dK_t}{dt} \right) \quad (1)$$

Chia hai vế phương trình (1) cho Y và sau khi biến đổi:

$$\frac{dY}{dt} \frac{1}{Y} = \frac{dAt}{dt} \frac{1}{At} + \left( \frac{dY}{dL_t} \frac{L_t}{Y} \right) \frac{dL_t}{dt} \frac{1}{L_t} + \left( \frac{dY}{dK_t} \frac{K_t}{Y} \right) \frac{dK_t}{dt} \frac{1}{K_t} \quad (2)$$

Rút gọn lại:

$$G(Y) = G(A) + MPL \left( \frac{L}{Y} \right) G(L) + MPK \left( \frac{K}{Y} \right) G(K) \quad (3)$$

Trong đó:

- G(Y) tốc độ tăng của sản lượng.
- G(L) tốc độ tăng của lao động.
- G(K) tốc độ tăng của vốn.

MPL =  $dY/dL$  và MPK =  $dY/dK$  là năng suất cận biên tương ứng của yếu tố lao động và vốn.

Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, tỷ lệ lợi nhuận của đồng vốn bỏ ra sẽ bằng năng suất cận biên của vốn (MPK), còn tỷ lệ tiền lương sẽ bằng năng suất biên của lao động (MPL). Trong trường hợp này MPK(K/Y) và MPL(L/Y) sẽ lần lượt là tỷ lệ đóng góp của vốn và lao động trong giá trị sản xuất. Cụ thể hoá công thức (3) mô hình hàm sản xuất Cobb-Douglas có dạng:

$$G(Y) = G(A) + \alpha G(L) + (1 - \alpha)G(K) \quad (4)$$

Trong đó  $\alpha = MPL(L/Y)$  và  $1 - \alpha = MPK(K/Y)$ .

Dựa vào công thức (4), có thể tính tốc độ tăng của năng suất các nhân tố tổng hợp (G(A) hay G(TFP)) theo công thức:

$$G(TFP) = G(Y) - \{\alpha G(L) + (1 - \alpha)G(K)\} \quad (5)$$

Sau khi đo lường tốc độ tăng của từng nhân tố sẽ tìm được đóng góp của chúng vào tốc độ tăng của GDP bằng công thức:

$$\text{Đóng góp của TFP} = G(TFP)/G(Y)$$

$$\text{Đóng góp của lao động} = \alpha.G(L)/G(Y)$$

$$\text{Đóng góp của vốn} = (1 - \alpha).G(K)/G(Y)$$

Tóm lại, tốc độ tăng TFP được tính bằng công thức sau:

$$\dot{I}_{TFP} = \dot{I}_Y - \beta.\dot{I}_L - \alpha.\dot{I}_K \quad (6)$$

Trong đó:

$\dot{I}_{TFP}$ : Tốc độ tăng của TFP

$\dot{I}_Y$ : Tốc độ tăng đầu ra (GDP)

$\dot{I}_K$ : Tốc độ tăng của vốn cố định

$\dot{I}_L$ : Tốc độ tăng của lao động

## 4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 4.1 Xu hướng tăng trưởng kinh tế

Năm 2015, GDP của thành phố Cần Thơ đạt 78,01 nghìn tỷ, bằng 3,7 lần GDP năm 2005 và 1,83 lần GDP năm 2010, chiếm 16,01% GDP của ĐBSCL. GDP bình quân đầu người đạt 62 triệu đồng/người (khoảng 2.952 USD/người), gấp 3,9 lần năm 2005 và 1,8 lần năm 2010, cao nhất ĐBSCL, bằng 1,2 lần GDP bình quân đầu người của vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL (bao gồm Cần Thơ, An Giang, Cà Mau và Kiên Giang (2.470 USD/người)). Tăng trưởng GDP (theo giá so sánh 2010) của thành phố Cần Thơ trong các giai đoạn 2001-2005, giai đoạn 2006-2010, giai đoạn 2011-2015 lần lượt là 13,46%, 15,35%/năm, và

11,58%/năm. Tốc độ tăng trưởng này cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế cùng kỳ của cả nước (giai đoạn 2004-2005 là 7,51%/năm; 2006-2010 là 7,01%/năm); và cao hơn khu vực ĐBSCL (giai đoạn 2004-2005 là 10,10%/năm; 2006-2010 là 12%/năm).

Tăng trưởng kinh tế của khu vực I qua các giai đoạn 2004-2005, giai đoạn 2006-2010, và giai đoạn 2011-2015 lần lượt là 4,36%, -1,40%, và 4,36%. Điều này cho thấy có sự thay đổi lớn trong kinh tế khu vực I trong thời gian gần đây. Sau khi trải qua sự sụt giảm sản lượng, kinh tế khu vực I hiện nay đã trở lại đà tăng trưởng trước đây. Tăng trưởng của khu vực II qua các giai đoạn 2004-2005, giai đoạn 2006-2010, và giai đoạn 2011-2015 lần lượt là 14,31%, 18,92%, và 11,87%. Điều này cho thấy suy thoái kinh tế trong giai đoạn 2008-2014 đã ảnh hưởng lớn và làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của khu vực II. Tăng trưởng của khu vực III qua các giai đoạn 2004-2005, giai đoạn 2006-2010, và giai đoạn 2011-2015 lần lượt là 21,27%, 18,10%, và 13,03%. Nguyên nhân tốc độ tăng trưởng của khu vực III giảm trong thời gian gần đây là do tác động của suy thoái kinh tế vừa qua.

Tóm lại, tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ từ khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đến nay (2004-2015) có các đặc điểm sau:

- Tăng trưởng ổn định ở mức cao trong giai đoạn 2001-2010 và năm 2011, cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nước và khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, từ năm 2012, kinh tế thành phố Cần Thơ bắt đầu có dấu hiệu chững lại và không còn duy trì ở tốc độ tăng trưởng cao nữa. Kinh tế Thành phố có dấu hiệu chuyển giai đoạn tăng trưởng từ tăng trưởng cao do xuất phát từ quy mô kinh tế nhỏ, đầu tư lớn khi thành phố trở thành trực thuộc Trung ương sang tăng trưởng ổn định ở mức thấp hơn khi quy mô kinh tế tương đối lớn.

- Kinh tế khu vực I tăng trưởng thấp và không ổn định. Kinh tế khu vực II tăng trưởng ổn định ở mức cao. Tuy nhiên, kinh tế khu vực II có dấu hiệu bắt đầu giảm đà tăng trưởng từ năm 2011 đến nay. Kinh tế khu vực III đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2004-2015. Thời gian vừa qua khu vực kinh tế này vẫn tăng trưởng khá ổn định và duy trì ở mức cao nhất.

**Bảng 2: Tăng trưởng kinh tế phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2005-2015**

*ĐVT: %/năm*

Năm	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Toàn TP
2005	4,36	14,31	21,27	14,80
2006	-1,03	21,62	17,63	14,73
2007	1,18	19,14	26,77	19,17
2008	2,60	23,78	14,79	15,88
2009	-2,71	17,19	16,35	13,88
2010	-6,41	15,74	14,91	12,56
2011	15,13	9,20	25,48	18,06
2012	2,26	9,30	14,45	11,36
2013	0,52	16,79	8,44	10,66
2014	0,95	10,51	14,85	12,05
2015*	1,65	11,03	14,51	12,25
GĐ 2004-2005	4,36	14,31	21,27	14,80
GĐ 2006-2010	-1,40	18,92	18,10	15,35
GĐ 2011-2015 (tính theo GDP)	1,34	11,87	13,03	11,58
GĐ 2011-2015 (tính theo GRDP)	3,23	4,00	7,31	5,77

\*: số liệu ước tính

Nguồn: Niên giám Thống kê 2005, 2010 và 2014, Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ và tổng hợp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ

#### 4.2 Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Năm 2000, cơ cấu kinh tế khu vực I, II và III của thành phố Cần Thơ lần lượt là 22,64%, 31,11% và 46,25%. Đến năm 2005, cơ cấu kinh tế khu vực I, II, III lần lượt là 18,7%, 39,84%,

41,46%. Như vậy trong giai đoạn 2001-2005, cơ cấu kinh tế của thành phố đã chuyển dịch theo hướng giảm khu vực I và III, tăng khu vực II. Đây là giai đoạn phát triển mạnh của ngành chế biến nông, thủy sản và đã góp phần đáng kể vào chuyển

dịch cơ cấu kinh tế của Thành phố. Đây cũng được xem là giai đoạn phát triển của ngành công nghiệp và xây dựng. Trong giai đoạn 2006-2010, cơ cấu kinh tế của thành phố chuyển dịch theo hướng giảm khu vực I, tăng khu vực II và III. Năm 2010, tỷ trọng của khu vực I, II, III lần lượt là 10,55%, 44,39%, và 45,06%. Giai đoạn này khu vực II và III đã phát triển mạnh mẽ và cân đối với nhau.

Trong giai đoạn 2011-2015, dù gặp khó khăn do khủng hoảng kinh tế, nhưng sự chuyển dịch cơ cấu của Thành phố vẫn theo xu hướng tích cực, đó là tỷ trọng kinh tế khu vực I tiếp tục giảm, và tỷ trọng khu vực III là lớn nhất. Năm 2014, tỷ trọng của khu vực I, II, III lần lượt là 7,27%, 35,79%, và 56,94%.

**Bảng 3: Cơ cấu kinh tế phân theo khu vực kinh tế qua các giai đoạn**

ĐVT: %

Năm	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Tổng cộng
2004	24,76	32,69	42,55	100,00
2005	22,51	32,55	44,94	100,00
2006	19,42	34,51	46,08	100,00
2007	16,49	34,50	49,02	100,00
2008	14,60	36,85	48,55	100,00
2009	12,47	37,92	49,61	100,00
2010	10,37	38,99	50,64	100,00
2011	10,11	36,07	53,82	100,00
2012	9,28	35,40	55,32	100,00
2013	8,43	37,36	54,20	100,00
2014	7,60	36,84	55,56	100,00
2015* (theo GDP)	6,88	36,44	56,68	100,00
2015* (theo GRDP)	9,35	30,55	60,10	100,00
Thay đổi cơ cấu KT:				
2004-2005	-2,25	-0,14	2,39	
2006-2010	-12,14	6,44	5,70	
2011-2015	-3,49	-2,55	6,04	
2005-2015	-15,63	3,89	11,74	

\*: số liệu ước tính

Nguồn: Niên giám thống kê 2005, 2010 và 2014, Cục thống kê thành phố Cần Thơ và tổng hợp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ

### 4.3 Chuyển dịch cơ cấu lao động

Trong giai đoạn 2000-2005, sự chuyển dịch cơ cấu lao động giữa các ngành kinh tế diễn ra không đáng kể. Năm 2000, tỷ trọng lao động trong khu vực I là 53,4%; đến năm 2005 là 51,9%. Sự chuyển dịch lao động đã xảy ra mạnh mẽ trong giai đoạn 2005-2010 theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động thuộc khu vực I và tăng tỷ trọng lao động thuộc khu vực II và khu vực III. Năm 2010, tỷ trọng lao động trong khu vực I là 42,1%. Đến năm 2015, ước tính tỷ trọng lao động trong khu vực I là 40%. Như vậy, giai đoạn 2011-2015 sự chuyển dịch cơ cấu lao động lại diễn ra chậm như giai đoạn 2000-2005. Phân tích cho thấy rằng đã có sự chuyển dịch rất mạnh mẽ về cơ cấu lao động giữa các khu vực kinh tế trong giai đoạn 2006-2010 trong khi hai

giai đoạn còn lại cho thấy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra chậm hơn nhiều. Nguyên nhân là do sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Cần Thơ đã phát triển nhanh chóng cùng với quá trình chuyển dịch kinh tế nói chung và chuyển dịch lao động nói riêng. Tuy nhiên, do khủng hoảng kinh tế, cùng với những khó khăn về phát triển kinh tế, quá trình chuyển dịch lao động cũng bị chậm lại.

Nhìn chung, mặc dù đã có sự chuyển dịch lao động mạnh mẽ nhưng lao động trong khu vực I vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số lao động của thành phố Cần Thơ. Xét về mặt xu hướng chung, lao động của thành phố ngày càng tập trung nhiều vào kinh tế khu vực II và III.

**Bảng 4: Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế**

DVT: %

Khu vực kinh tế	2005	2010	2015*	Thay đổi cơ cấu lao động	
				2006-2010	2011-2015
Khu vực I	51,9	42,1	40,0	-9,8	-2,1
Khu vực II	16,3	21,1	23,0	4,8	1,9
Khu vực III	31,8	36,8	37,0	5,0	0,2
Tổng cộng	100,0	100,0	100,0		

\* số liệu ước tính

Nguồn: Niên giám Thống kê 2005, 2010 và 2015, Cục thống kê thành phố Cần Thơ và tổng hợp từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ

**4.4 Tình hình sử dụng vốn đầu tư và hiệu quả vốn đầu tư**

Vốn đầu tư và sự tăng trưởng của vốn đầu tư là một trong những yếu tố đóng góp vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ diễn ra tích cực khi nguồn vốn đầu tư cho các lĩnh vực kinh tế mục tiêu có sự gia tăng cả về mặt quy mô cũng như hiệu quả đầu tư. Phân tích này sẽ tiến hành đánh giá thực trạng và hiệu quả vốn đầu tư để xác định lĩnh vực kinh tế tiềm năng, căn cứ cho việc định hướng chuyển dịch cơ cấu giai đoạn tới. Vốn đầu tư trên địa bàn Thành phố Cần Thơ tăng nhưng tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần qua các năm. Vốn đầu tư đã tăng trưởng hơn 24%/năm trong giai đoạn 2001-2011. Tuy nhiên, từ năm 2012 đến nay, tốc độ tăng trưởng của vốn đầu tư có xu hướng giảm, chỉ đạt 8,5%/năm. Ngoài ra, phân tích cho thấy là tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư luôn ở mức cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP trong suốt giai đoạn từ 2001-2014. Hiệu quả vốn đầu tư có xu hướng giảm (thể hiện qua chỉ số ICOR<sup>3</sup> trên địa bàn ngày càng gia tăng). Nếu trong giai đoạn 2001-2005 chỉ số ICOR khoảng 2,8 thì đến năm 2012 đã là 4,5. Mặc dù vốn đầu tư tăng nhiều nhưng trữ lượng vốn đưa vào sản xuất lại không tăng tương xứng với lượng vốn đầu tư phát triển trên. Đây là một trong những yếu tố thành phố cần quan tâm khi tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phân tích cho thấy rằng, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt hiệu quả đầu tư cao nhất, thể hiện qua chỉ số ICOR thấp nhất trong giai đoạn 2001-2015. Trong khi đó, hiệu quả đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước là thấp nhất, thể hiện qua chỉ số ICOR cao nhất trong giai đoạn 2001-2015. Trong mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng vốn đầu tư, và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư đều cho thấy khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn có sự bứt phá mạnh mẽ so với hai khu vực kinh tế còn lại.

**Bảng 5: Vốn đầu tư và hiệu quả vốn đầu tư phân theo thành phần kinh tế**

Chỉ tiêu	2004-2005	2006-2010	2011-2015
Tăng trưởng GDP (%)	19,3	26,7	23,0
- Kinh tế nhà nước	8,6	22,7	15,4
- Kinh tế ngoài nhà nước	25,7	27,6	26,7
- Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài	8,0	31,3	19,1
Tăng trưởng vốn đầu tư (%)	34,6	29,0	31,8
- Kinh tế nhà nước	24,7	36,7	30,6
- Kinh tế ngoài nhà nước	49,3	23,6	35,9
- Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài	7,5	15,8	11,6
ICOR (lần)			
- Kinh tế nhà nước	14,7	10,5	13,2
- Kinh tế ngoài nhà nước	1,6	2,3	2,0
- Kinh tế có vốn Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài	-	3,2	5,8

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ và số liệu tính toán

Phân tích cho thấy rằng, kinh tế khu vực I đạt hiệu quả đầu tư cao nhất, thể hiện qua chỉ số ICOR thấp nhất (trừ giai đoạn 2006-2010). Hiệu quả đầu tư của khu vực II cũng ở mức cao. Trong khi đó, hiệu quả đầu tư của khu vực III là thấp nhất. Nhìn chung, hiệu quả đầu tư ở các khu vực kinh tế của Thành phố là cao (và cao hơn so với mức bình quân cả nước). Trong mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng vốn đầu tư, và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho thấy tăng trưởng vốn đầu tư trong hai khu vực II và III là rất cao và duy trì được mức tăng trưởng liên tục trong khi tăng trưởng vốn đầu tư trong khu vực I là rất biến động và thấp hơn hai khu vực trên. Đặc biệt, giai đoạn 2004-2005, vốn đầu tư trong khu vực I sụt giảm (-13,3%) và giai đoạn 2011-2015 ước tính tăng trưởng chỉ đạt 5%/năm, ít hơn 6-6,5 lần so với hai khu vực II và III. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư trong khu vực I lại cao hơn hẳn hai khu vực còn lại (chỉ số ICOR rất thấp, từ khoảng 0,7 đến 1,2).

<sup>3</sup> Chỉ số ICOR cho biết muốn có thêm một đơn vị sản lượng trong một thời kỳ nhất định cần phải bỏ ra thêm bao nhiêu đơn vị vốn đầu tư trong kỳ đó.



**Bảng 6: Vốn đầu tư và hiệu quả vốn đầu tư phân theo khu vực kinh tế**

Chỉ tiêu	2004-2005	2006-2010	2011-2015
Tăng trưởng GDP (giá hiện hành) (%)	19,3	26,7	23,0
Khu vực I	14,8	13,0	13,9
Khu vực II	25,4	29,5	27,4
Khu vực III	16,7	28,8	22,6
Tăng trưởng vốn đầu tư (%)	34,6	29,2	31,9
Khu vực I	-13,3	27,3	5,0
Khu vực II	37,8	27,9	32,8
Khu vực III	36,8	30,0	33,4
ICOR			
Khu vực I	0,69	3,83	1,22
Khu vực II	1,55	2,74	2,53
Khu vực III	4,58	4,37	4,66

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ và số liệu tính toán

**4.5 Đóng góp của các yếu tố đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

**4.5.1 Vốn đầu tư**

Phân tích (Sử dụng Phương trình kế toán tăng trưởng Solow dạng hàm Cobb-Douglas để phân tích đóng góp của vốn, lao động, và TFP đến tăng trưởng kinh tế) cho thấy rằng đóng góp của vốn vào tăng trưởng kinh tế tuy có xu hướng giảm, nhưng nhìn chung vẫn ở mức cao. Giai đoạn 2006-2010 đóng góp của vốn vào tăng trưởng kinh tế toàn thành phố là 61,55%; giai đoạn 2011-2015 đóng góp của vốn vào tăng trưởng kinh tế toàn thành phố là 56,94%. Nếu phân tích theo khu vực (ngành) kinh tế, hầu

như không có sự thay đổi lớn trong 10 năm qua ở khu vực kinh tế II và III. Kinh tế hai khu vực này vẫn phụ thuộc phần lớn vào vốn, trong giai đoạn 2011-2015, tỉ lệ đóng góp của vốn vào tốc độ tăng trưởng trong khu vực III là lớn nhất (68,60%), kế đến là khu vực 2 (52,64%). Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế thành phố bớt lệ thuộc vào vốn. Tuy nhiên, hai khu vực kinh tế II và III ngày càng lệ thuộc vào vốn, chỉ duy nhất khu vực I là bớt lệ thuộc vào vốn. Đây là một trở ngại không nhỏ để thành phố chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng đã đề ra.

**Bảng 7: Tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đóng góp của vốn đầu tư vào tăng trưởng kinh tế**

DVT: %

Năm	Toàn TP		Khu vực I		Khu vực II		Khu vực III	
	Tốc độ tăng của vốn	Đóng góp của vốn	Tốc độ tăng của vốn	Đóng góp của vốn	Tốc độ tăng của vốn	Đóng góp của vốn	Tốc độ tăng của vốn	Đóng góp của vốn
2005	17,84	45,19	21,67	18,66	44,46	11,5	12,97	22,88
2006	28,18	71,75	54,79	19,94	540,86	93,81	12,20	25,95
2007	28,00	54,77	31,14	98,64	96,20	18,84	15,50	21,71
2008	22,54	53,21	45,24	65,16	60,78	95,83	11,67	29,59
2009	18,42	49,79	32,70	45,23	38,34	83,63	10,34	23,73
2010	24,05	71,78	46,82	27,38	31,24	74,44	18,78	47,22
2011	20,72	43,01	17,16	42,53	27,36	11,15	16,45	24,21
2012	19,26	63,61	13,99	23,24	24,69	99,55	15,70	40,75
2013	15,80	55,58	8,07	57,68	18,94	42,31	13,54	60,18
2014	15,37	47,83	14,83	58,67	18,79	67,07	12,96	32,73
2015*	14,21	43,48	13,60	30,85	16,90	57,45	12,24	31,62
Tính theo giai đoạn								
2006-2010	24,24	61,55	42,14	23,74	15,35	47,80	13,70	58,89
2011-2015	17,07	56,94	13,53	-22,74	21,34	52,64	14,18	68,60

\* ước tính

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ và số liệu tính toán

4.5.2 Lao động

Nhìn chung, đóng góp của lao động vào tăng trưởng kinh tế thấp hơn so với đóng góp của vốn đầu tư, trừ khu vực I. Trong giai đoạn 2006-2010 đóng góp của lao động vào tăng trưởng kinh tế toàn thành phố là 14,74%; và giai đoạn 2011-2015 ước tính là 17,62%. Điều này cho thấy chỉ số này đã có

sự cải thiện tích cực. Hiện nay, đóng góp của lao động vào tốc độ tăng trưởng của khu vực I là lớn nhất, kế đến là khu vực II. Phân tích cũng cho thấy rằng trong giai đoạn 2011-2015 có sự thay đổi rất mạnh mẽ về đóng góp của lao động trong hầu hết các khu vực kinh tế.

**Bảng 8: Tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đóng góp của lao động vào tăng trưởng kinh tế**

DVT: %

Năm	Cả TP		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
	Tốc độ tăng của LĐ	Đóng góp của LĐ	Tốc độ tăng của LĐ	Đóng góp của LĐ	Tốc độ tăng của LĐ	Đóng góp của LĐ	Tốc độ tăng của LĐ	Đóng góp của LĐ
2005	7,81	59,34	0,88	22,80	6,67	52,41	2,04	10,78
2006	2,74	20,92	0,89	97,62	6,34	33,00	2,02	12,89
2007	2,63	15,46	0,59	56,29	5,77	33,90	3,29	13,81
2008	2,53	17,93	0,47	20,29	5,00	23,64	3,21	24,44
2009	2,40	19,47	0,69	28,77	3,39	22,17	1,57	10,79
2010	1,14	10,20	1,59	27,96	1,32	9,43	3,13	23,64
2011	1,13	7,06	-18,02	-134,02	66,34	810,81	27,42	121,06
2012	6,96	68,96	8,12	404,50	6,20	74,97	6,35	49,44
2013	2,19	23,07	9,00	1930,63	-27,96	-187,28	18,97	252,99
2014	1,16	10,79	1,92	227,35	12,51	133,98	-5,10	-38,66
2015*	1,54	14,11	0,78	53,10	7,13	72,69	-0,87	-6,78
Tính theo giai đoạn								
2006-2010	2,29	14,74	0,85	35,03	4,36	21,80	2,64	15,13
2011-2015	2,59	17,62	0,36	76,85	12,84	35,28	9,35	20,77

\* ước tính

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ và số liệu tính toán

4.5.3 Năng suất các yếu tố tổng hợp

Nhìn chung, đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố trong giai đoạn 2011-2015 có sự cải thiện đôi chút so với giai đoạn 2006-2010 với mức đóng góp lần lượt là 25,44% so với 23,71%. Xét theo từng khu vực kinh tế thì đóng góp của TFP trong khu vực nông nghiệp là cao nhất so với hai khu vực kinh tế còn lại và giữ ổn

định ở mức xấp xỉ 45,88% trong giai đoạn 2011-2015. Trong khi đó, TFP của hai khu vực II và III có xu hướng giảm cả về tốc độ tăng trưởng và mức đóng góp vào giá trị GDP. Điều này cho thấy sự đóng góp của khoa học, công nghệ ở khu vực kinh tế II và III chưa được cải thiện, thậm chí có thể nói là thụt lùi, trong khi lại đóng góp rất lớn vào sự phát triển của kinh tế khu vực I.

**Bảng 9: Tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế**

DVT: %

Năm	Cả TP		Khu vực I		Khu vực II		Khu vực III	
	Tốc độ tăng của TFP	Đóng góp của TFP	Tốc độ tăng của TFP	Đóng góp của TFP	Tốc độ tăng của TFP	Đóng góp của TFP	Tốc độ tăng của TFP	Đóng góp của TFP
2005	6,12	38,77	4,10	80,24	13,95	70,03	0,89	5,02
2006	1,99	12,27	3,30	74,32	-11,98	-58,94	2,92	16,20
2007	2,68	16,48	4,36	92,17	-4,15	-19,46	0,97	5,83
2008	4,13	27,25	4,58	95,85	-2,62	-13,00	3,24	22,07
2009	3,77	28,81	4,09	83,54	-3,74	-28,89	7,10	40,90
2010	4,02	26,72	1,28	27,34	2,99	18,40	5,76	29,84
2011	4,16	29,46	3,49	70,87	-6,21	-57,96	6,71	35,76
2012	2,21	19,12	3,14	68,73	-6,16	-64,66	3,05	21,54
2013	2,27	21,34	12,62	24,07	4,14	24,50	-17,98	-21,32
2014	4,99	41,38	6,77	71,14	-10,62	-10,11	15,73	10,93
2015	5,20	42,41	4,32	26,10	-3,32	-30,14	10,91	7,52
Tính theo giai đoạn								
2006-2010	3,32	23,71	3,52	41,23	-3,90	30,40	4,00	25,98
2011-2015	3,56	25,44	1,37	45,88	-11,08	12,08	0,29	10,63

\* ước tính

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ và số liệu tính toán

## 5 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

### 5.1 Kết luận

Tăng trưởng kinh tế của thành phố Cần Thơ trong những năm qua đạt được những kết quả tốt với tỷ lệ tăng trưởng bình quân là trên 14%/năm, cao hơn tỷ lệ tăng trưởng bình quân của cả nước và tăng tương đối đều đặn. Trong đó, kinh tế khu vực II là đầu tàu cho tăng trưởng kinh tế toàn thành phố với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 17%/năm. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố Cần Thơ diễn ra tương đối ổn định theo xu hướng tăng dần tỷ trọng đóng góp của khu vực II và khu vực III và giảm dần tỷ trọng đóng góp của khu vực I. So với bình quân cả nước, cơ cấu kinh tế khu vực II và III của thành phố Cần Thơ luôn ở mức cao hơn, đặc biệt ở năm 2010, GDP của khu vực II và III đóng góp đến gần 90% trong tổng GDP của thành phố. Nếu xét theo cơ cấu ngành kinh tế, các ngành công nghiệp chế biến và thương nghiệp là những ngành có tỷ trọng cao nhất. Bên cạnh đó, nếu xét theo thành phần kinh tế, kinh tế ngoài nhà nước là thành phần kinh tế có mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cao nhất trong tất cả các thành phần kinh tế. Cơ cấu lao động của thành phố Cần Thơ cũng có sự biến động theo hướng giảm dần lao động trong kinh tế khu vực I nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu lao động của thành phố.

Ngược lại với xu hướng tăng trưởng của GDP là tốc độ tăng trưởng của yếu tố vốn ngày càng

chậm lại. Bài viết đã chỉ ra rằng vốn đầu tư là yếu tố đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kinh tế của thành phố nhưng có xu hướng giảm dần. Yếu tố lao động được xem là yếu tố ít dao động nhất trong số các yếu tố sản xuất. Tốc độ tăng trưởng lao động giai đoạn 2001 – 2015 tương đối ổn định trong khoảng từ 1,5% đến 2,6%. Đóng góp của lao động vào tăng trưởng kinh tế của cả thành phố nói chung và từng khu vực kinh tế nói riêng ngày càng tăng dần. Tốc độ tăng trưởng của tổng năng suất các yếu tố (TFP) không ổn định và ở mức không cao (thường ở mức 2-3%/năm và có năm tăng trưởng âm). Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của Thành phố ở mức trung bình thấp, lần lượt là 23,71% và 25,44% trong giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2011-2015. Ngoài ra, hiệu quả vốn đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ ngày càng giảm (chỉ số ICOR ngày càng tăng). Điều này cho thấy dù đầu tư tăng nhưng trữ lượng vốn đưa vào sản xuất để tạo ra hàng hóa, dịch vụ đã không tăng tương xứng với lượng vốn đầu tư phát triển trên. Dù đã có sự điều chỉnh giảm nhưng vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước (vốn kém hiệu quả) vẫn được duy trì ở mức cao và có xu hướng tăng lên kể từ năm 2005. Do đầu tư nhiều nhưng hiệu quả kém nên tài sản vốn vật chất được hình thành ở khu vực kinh tế nhà nước bị hạn chế, trong khi đầu tư nhà nước lại có tính lan tỏa, nhất là đầu tư hình thành các công trình kết cấu hạ tầng nên hiệu quả kém của khu vực này sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế nói chung của thành phố.

## 5.2 Đề xuất

Để thúc đẩy tăng trưởng của Thành phố Cần Thơ nhanh và bền vững trong thời gian tới, các hàm ý chính sách sau được đề xuất:

– Thành phố cần thúc đẩy quá trình chuyển dịch lao động mạnh mẽ hơn nữa, cùng với quá trình đô thị hóa và phát triển các ngành công nghiệp và thương mại, dịch vụ, công tác đào tạo nghề với ưu tiên cho đào tạo nghề phi nông nghiệp góp phần chuyển dịch nhanh lao động khỏi khu vực nông nghiệp.

– Trong phát triển khu vực công nghiệp cần tập trung vào phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản nhằm phát huy lợi thế trung tâm vùng của thành phố Cần Thơ và lợi thế so sánh về nông nghiệp của ĐBSCL.

– Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ logistic đại diện cho khu vực ĐBSCL làm nền tảng cho phát triển công nghiệp sản xuất và chế biến xuất khẩu. Thành phố cần có chiến lược phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ. Trước mắt cần ưu tiên phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ thuộc vài ngành công nghiệp chủ lực của thành phố.

– Đa dạng các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, vốn ngoài ngân sách (BT, BOT, PPP),... để có thể thu hút nhiều vốn và kịp thời cho yêu cầu phát triển. Ưu tiên sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách cho các mục tiêu tạo cơ sở và có tác động lan tỏa cho cả nền kinh tế.

– Xây dựng hoàn chỉnh các khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu về cơ sở hạ tầng và xử lý chất thải môi trường trong khu công nghiệp nhằm thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài.

– Về phát triển khoa học và công nghệ, thành phố cần tập trung phát triển công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản chế biến nông sản, công nghệ thông tin – truyền thông, công nghệ cơ khí, công nghệ tự động hóa, và công nghệ vật liệu mới; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, công nghệ cơ khí, vật liệu xây dựng, hóa học, sinh học, tự động hóa. Thành phố cần có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ; ưu đãi cho những doanh nghiệp có nhiều hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

– Tiếp tục cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Dựa trên các chỉ số thành phần để xây dựng kế hoạch, đề án nâng cao năng lực cải cách hành chính cho từng sở, ban ngành của thành phố. Để có thể đột phá trong công tác cải cách hành chính, thành phố cần có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu của giai đoạn công nghiệp hóa trong thời gian tới.

– Để phát huy vai trò trung tâm của vùng ĐBSCL, Cần Thơ cần được Trung ương đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển có tính đến các yếu tố liên kết nội vùng, liên vùng dựa trên quy hoạch phát triển ĐBSCL, các quy hoạch phát triển ngành, các quy hoạch kết cấu hạ tầng như quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng. Đây được xem là giải pháp cơ bản, hàng đầu nhằm thiết lập được cơ sở kết nối, liên kết các tỉnh trong vùng với nhau và giữa các đầu mối vùng, tam giác phát triển, hành lang phát triển với nhau.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê thành phố Cần Thơ, 2014. Niên giám Thống kê thành phố Cần Thơ các năm 2005, 2010, 2014.
- Đặng Hoàng Thống, Võ Thành Danh (2011). *Phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng của thành phố Cần Thơ: Cách tiếp cận tổng năng suất các yếu tố*. Tạp chí khoa học, Trường Đại học Cần Thơ. Số 17b (2011) Trang: 120-129.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ (2015). *Giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố Cần Thơ đến năm 2020*.